

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-08-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 08 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 17/TB-TA ngày 12 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 20/TB-TA ngày 05 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn M**, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 5/03/2021 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn M kết hôn với nhau vào năm 2010, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị và anh M có đi đăng ký kết hôn tại UBND thôn P, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc, anh M không tu chí làm ăn, không quan tâm tới chị và gia đình. Đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, hiện nay anh M đi làm gì, ở đâu chị không biết, chị và anh M có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng anh M không nói cho chị biết anh M đang là gì. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Văn M

Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là cháu Đỗ Văn T, sinh ngày 14/10/2011 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 01/07/2013. Từ khi ly thân đến nay chị là người nuôi hai con chung, nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 6 tháng 5 năm 2021 cháu Đỗ Văn T và Đỗ Thị Tuyết N đều trình bày bố mẹ ly hôn các cháu không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì về công sức và tài sản đối với bố mẹ. Khi bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng là được ở với mẹ Nguyễn Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Văn M vắng không có lý do. Anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh M không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh M được.

Tại biên bản xác minh ông Đỗ Văn K là bố đẻ của anh Đỗ Văn M trình bày hiện nay anh M đi làm ăn, thỉnh thoảng vẫn về nhà nhưng không thường xuyên ở nhà. Ông nhận các văn bản giấy tờ thay cho anh M và thông báo và giao lại cho anh M. Trong cuộc sống vợ chồng anh M chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông Nguyễn Trung H, Phó trưởng công an xã P cho biết: Anh Đỗ Văn M và chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn P, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, anh M hiện là lao động tự do nên anh M làm gì ở đâu địa phương không biết do anh M không khai báo.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Văn M và đề nghị được nuôi con

chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn M.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Văn T, sinh ngày 14/10/2011 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 01/07/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Đỗ Văn M có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn P, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Đỗ Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh M

vẫn có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn P, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh M đi làm ăn, thường đi đi, về về là đúng. Tuy nhiên anh M không cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc hiện nay, không thông báo cho chị T biết. Tại Công văn số 7538/QLXNC-P5 ngày 01/04/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin anh Đỗ Văn M không có thông tin xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là trường hợp cố tình giấu giếm địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn M.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn M tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 5 tháng 09 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh M có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh M là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị T anh M có 02 con chung là cháu cháu Đỗ Văn T, sinh ngày 14/10/2011 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 01/07/2013. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy từ khi ly thân năm 2019 đến nay chị T đã là người nuôi dưỡng hai con chung. Hiện nay các con chung đều phát triển khỏe mạnh, hai con chung là cháu T và cháu N đều có nguyện vọng được ở với chị T. Do vậy, cần giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Tuấn và cháu Nhi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đỗ Văn T, sinh ngày 14/10/2011 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 01/07/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001863 ngày 10/03/2021. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (Số 47/6/09/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường